

CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I:
từ năm 2023 đến năm 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 121 KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

DỰ ÁN 1:
GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở,
ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU

Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng DTTS&MN mỗi năm trên 3%; phấn đấu tăng mức thu nhập bình quân của người DTTS lên 2 lần so với năm 2022.

Hỗ trợ hộ đồng bào DTTS nghèo, cận nghèo chưa có đất ở để ổn định cuộc sống và hỗ trợ trên 90% số hộ DTTS nghèo, cận nghèo ở vùng DTTS chưa có nhà ở cải thiện nhà ở.

Hỗ trợ đất sản xuất cho hộ DTTS nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất hoặc thiếu đất sản xuất dưới 50% định mức theo quy định của địa phương, trong đó chuyển đổi nghề cho trên 50% số hộ DTTS nghèo, cận nghèo thiếu đất sản xuất.

- Trên 90% hộ đồng bào nghèo ở các xã, ấp được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Trên 50% lao động trong độ tuổi có nhu cầu chuyển nghề được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS.

Tạo điều kiện thuận lợi để hộ dân DTTS, hộ nghèo, cận nghèo ở vùng DTTS&MN vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất.

II. ĐỐI TƯỢNG

- Hộ DTTS nghèo chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở đơn sơ đã xuống cấp.

- Hộ DTTS nghèo, cận nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất dưới 50% định mức theo quy định của địa phương. Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất hoặc hộ DTTS nghèo, cận nghèo không có đất sản xuất, có nhu cầu chuyển đổi nghề được nhà nước hỗ trợ học nghề và chuyển đổi nghề.

- Hộ, nhóm hộ, cộng đồng dân cư vùng DTTS&MN thiếu nước sinh hoạt.

- Hộ DTTS nghèo chưa có nhà tiêu hoặc đã có nhưng chưa hợp vệ sinh.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Đối với hỗ trợ đất ở

Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (viết tắt là cấp huyện) xem xét, quyết định giao đất ở tối thiểu 70 m²/hộ, tối đa 100 m²/hộ để làm nhà ở cho hộ DTTS nghèo, cận nghèo phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và phù hợp với pháp luật về đất đai; chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ để tạo mặt bằng, làm hạ

tăng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng. Những địa không có quỹ đất hỗ trợ trực tiếp bằng tiền để người dân tự tạo quỹ đất ở.

Mức đầu tư tối thiểu 145 triệu đồng/hộ tại thời điểm thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối thiểu 80 triệu đồng/hộ.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH 50 triệu đồng/hộ.
- Vốn huy động gia đình và cộng đồng tối thiểu 15 triệu đồng/hộ.

2. Đối với hỗ trợ nhà ở

2.1. Đối với hỗ trợ xây nhà mới

Hộ gia đình DTTS nghèo, cận nghèo chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng đã xuống cấp được đầu tư xây dựng 01 căn nhà cấp 4 khoảng từ 40 m² - 60 m².

Mức hỗ trợ tối đa 135 triệu đồng/hộ, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/hộ.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH 40 triệu đồng/hộ.
- Vốn huy động từ gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp tối thiểu 15 triệu đồng/hộ.

2.2. Đối với hỗ trợ sửa nhà

Hộ gia đình DTTS nghèo, cận nghèo có nhu cầu sửa chữa, cải tạo nhà ở được hỗ trợ tối đa 95 triệu đồng/hộ, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ.
- Vay tín dụng ưu đãi từ NH CSXH tối đa 40 triệu đồng/hộ.
- Vốn huy động từ gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp tối thiểu 15 triệu đồng/hộ.

3. Đối với hỗ trợ đất sản xuất

3.1. Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất

Định mức đất sản xuất cho mỗi hộ: Căn cứ theo mức bình quân chung của từng địa phương.

Hộ DTTS nghèo, cận nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất (dưới 50% định mức theo quy định của địa phương) có nhu cầu đất sản xuất và địa phương có quỹ đất sản xuất thì được hỗ trợ tối đa 2.000 m². Những địa phương không có quỹ đất sản xuất hỗ trợ trực tiếp bằng tiền tối thiểu 100 triệu đồng/hộ tại thời điểm thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định để người dân tự tạo quỹ đất sản xuất, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối thiểu 22,5 triệu đồng/hộ.

- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH tối đa 77,5 triệu đồng/hộ để tạo quỹ đất, thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

Quỹ đất sản xuất để giao cho hộ DTTS nghèo và cận nghèo bao gồm:

- Đất thu hồi từ các nông, lâm trường và các doanh nghiệp, tổ chức sau khi sắp xếp lại theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tính dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các nguồn khác.

- Những nơi không còn quỹ đất để giao đất sản xuất cho các hộ thì được hỗ trợ để chuyển đổi sang một trong các hình thức chuyển đổi nghề sau:

3.2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề

- Những hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng tối đa 77,5 triệu đồng áp dụng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tính dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ. Ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên, còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề, xuất khẩu lao động theo quy định hiện hành. Ngoài mức hỗ trợ này, từng địa phương tùy theo khả năng nguồn ngân sách mà quyết định mức hỗ trợ thêm.

- Những hộ có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm các nghề khác như buôn bán nhỏ tăng thu nhập thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng tối đa 77,5 triệu đồng; thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

Các đối tượng nêu trên chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

4. Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt

4.1. Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

Đối với hộ nghèo, cận nghèo ở các xã, ấp thiếu nước sinh hoạt và chưa có công trình cấp nước tập trung được hỗ trợ tiền tối đa 3 triệu đồng/hộ để tạo nguồn nước (phân tán) phục vụ sinh hoạt.

4.2. Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung

- Đầu tư xây dựng những công trình nước tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng DTTS&MN chưa có hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tổng mức đầu tư cho một công trình, căn cứ vào tình hình thực tế để phê duyệt dự án đầu tư; trong đó, hỗ trợ bình quân 3 tỷ đồng/công trình, trường hợp cá biệt hỗ trợ cao nhất đến 6 tỷ đồng/công trình.

- Duy tu bảo dưỡng những công trình nước tập trung đã xuống cấp tại vùng DTTS&MN. Tổng mức đầu tư cho một công trình, căn cứ vào tình hình thực tế để phê duyệt dự án đầu tư; trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ bình quân 1,5 tỷ đồng/công trình.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở: Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; NH CSXH; các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất theo quy định.

V. VỐN VÀ NGUỒN VỐN

5.1. Kinh phí thực hiện: 362,156 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 95,043 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 11,060 tỷ đồng.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 248,073 tỷ đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác từ gia đình và cộng đồng: 7,980 tỷ đồng.

5.2. Phân chia kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung

5.2.1. Hỗ trợ đất ở

Kinh phí thực hiện: 6,875 tỷ đồng cho 55 hộ không có đất ở, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 2,2 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 1,1 tỷ đồng.
- Vay tín dụng ưu đãi tại NH CSXH: 2,75 tỷ đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác từ gia đình và cộng đồng: 0,825 tỷ đồng.

5.2.2. Hỗ trợ làm nhà ở

Kinh phí thực hiện: 82,395 tỷ đồng cho 922 hộ, trong đó:

a) Đầu tư xây nhà mới: 477 hộ.

- Ngân sách tỉnh: 28,620 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 9,540 tỷ đồng.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 19,080 tỷ đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác từ gia đình và cộng đồng: 7,155 tỷ đồng.

b) Sửa chữa nhà xuống cấp: 450 hộ, trong đó vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 11,425 tỷ đồng.

5.2.3. Hỗ trợ đất sản xuất và chuyển đổi nghề: Kinh phí thực hiện: 160,320 tỷ đồng cho 1.402 hộ và 2.067 lao động, trong đó:

a) Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: 28 hộ.

- Ngân sách tỉnh: 0,63 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 0,42 tỷ đồng.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 2,170 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 1.382 hộ và 2.067 lao động.

- Ngân sách tỉnh: 26,690 tỷ đồng.
- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 206,073 tỷ đồng.

5.2.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt: Kinh phí thực hiện: 36,903 tỷ đồng cho 4,476 hộ, từ nguồn ngân sách tỉnh.

(Kèm biểu dự án 1)

DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

I. MỤC TIÊU

Giai đoạn 2023-2025 hoàn thành khảo sát và xây dựng dự án quy hoạch, bố trí, sắp xếp ổn định cho các hộ ở vùng DTTS, hộ DTTS di cư từ nơi khác đến, hộ DTTS phân tán rải rác trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

II. ĐỐI TƯỢNG

Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. NỘI DUNG

- Đầu tư, hỗ trợ các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân, dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các dự án định cư cho hộ DTTS còn du cư.

- Hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép.

- Hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình tái định cư hoặc ổn định tại chỗ.

IV. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu vốn thực hiện ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, vay tín dụng ưu đãi NH CSXH và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác sau kết quả báo cáo thẩm định.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng định mức chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc lựa chọn điểm đầu tư mô hình dự án một số địa phương để làm cơ sở nghiên cứu, tổng kết, đánh giá để đề xuất nhân rộng cho giai đoạn 2025-2030 trên phạm vi 24 xã khu vực I.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

DỰ ÁN 3:
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP,
PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA CÁC
ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh, địa phương, vay tín dụng ưu đãi từ NH CSXH và vốn huy động hợp pháp khác.

I. TIỂU DỰ ÁN 2: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ, VÙNG TRỒNG ĐƯỢC ĐƯỢC LIỆU QUÝ, THÚC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

1.1. Mục tiêu

Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng địa phương; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng DTTS.

1.2. Đối tượng, địa bàn

1.2.1. Đối tượng

- Hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo, cận nghèo ở vùng DTTS&MN; ưu tiên đầu tư các mô hình ở vùng DTTS&MN có nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao thu nhập cho người dân.

- Cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xã liên kết đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, trồng và chế biến thức ăn đại gia súc và phát triển đàn đại gia súc, gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

1.2.2. Địa bàn

Xã, ấp vùng đồng bào DTTS&MN, ưu tiên các địa phương có diện tích đất canh tác nông nghiệp có năng suất thấp, đất sỏi, đất bãi, tương đối tập trung có quy mô diện tích phù hợp để đầu tư các dự án có thể cơ giới hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và sử dụng nhiều lao động tại chỗ.

1.3. Nội dung hỗ trợ

Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

a) Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất

Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

- Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

- Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;

- Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối;

- Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

b) Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

- Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

1.4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng định mức chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc lựa chọn điểm đầu tư mô hình dự án tại một số địa phương làm cơ sở nghiên cứu, tổng kết, đánh giá để đề xuất nhân rộng cho giai đoạn 2025-2030 trên phạm vi toàn tỉnh.

UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ và đột xuất.

NH CSXH thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

1.5. Vốn và nguồn vốn thực hiện: Từ ngân sách tỉnh hỗ trợ sau khi có báo cáo khả thi của địa phương đối với nội dung dự án hỗ trợ, vay tín dụng ưu đãi NH CSXH và vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nội dung số 3: Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS

2.1. Mục tiêu

Sử dụng và phát huy hiệu quả các trung tâm tư vấn, trung tâm khởi nghiệp; hỗ trợ người DTTS khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp dựa vào chuỗi giá trị đại diện các vùng trong tỉnh.

Xây dựng, phát triển các mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN.

Hình thành hợp tác xã, doanh nghiệp mới do người DTTS làm chủ; tạo ra việc làm mới có thu nhập thường xuyên cho người lao động trên địa bàn DTTS&MN.

Thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, du lịch, thương mại vùng DTTS&MN.

2.2. Đối tượng

Người lao động, hộ gia đình người DTTS có khả năng và mong muốn khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất đăng ký kinh doanh và hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN hoặc có dự án đầu tư vào vùng DTTS&MN. Ưu tiên doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất sử dụng từ 50% lao động là người DTTS, người nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN trở lên; doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ nhóm sản xuất do người DTTS làm chủ.

Các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp vùng DTTS&MN.

2.3. Nội dung đầu tư/hỗ trợ

a) Hỗ trợ đặc thù về tín dụng cho khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS&MN

Người lao động, hộ gia đình, tổ nhóm sản xuất được vay vốn ưu đãi tại NH CSXH. Định mức vay: với hạn mức vay gấp 5 lần mức vay dành cho hộ nghèo trong từng thời kỳ. Thời gian vay: 120 tháng. Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã được vay vốn ưu đãi tại các ngân hàng thương mại. Định mức vay tối đa bằng 70% tổng mức đầu tư của dự án. Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư. Thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 5 năm.

b) Hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS&MN

Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn thành lập doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp cho người DTTS trong năm đầu tiên.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư ở vùng DTTS&MN, sử dụng lao động người DTTS được miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ cước vận tải.

Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn khi kết nối giữa các người lao động/tổ sản xuất/hợp tác xã/doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

Các tổ chức, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn đăng ký chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến việc phát triển sản xuất và tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN trong năm đầu tiên kể từ khi thành lập.

Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, in ấn bao bì, nhãn mác và thiết kế bộ nhận diện thương hiệu (tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp) trong năm đầu tiên kể từ khi thành lập doanh nghiệp.

Tổ chức 100 hội chợ xúc tiến thương mại trên địa bàn vùng DTTS&MN. Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm dành cho các doanh nghiệp trên địa bàn vùng DTTS&MN.

Hỗ trợ kinh phí mua công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu (tối đa không quá 300 triệu đồng/công nghệ).

c) Hỗ trợ hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp vùng DTTS&MN

Hỗ trợ tối đa 80% kinh phí cho người lao động khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp theo chuỗi giá trị vùng đồng bào DTTS&MN.

Hỗ trợ biên dịch/biên soạn tài liệu, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo/huấn luyện khởi sự kinh doanh cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh phù hợp với vùng DTTS&MN.

d) Hỗ trợ xây dựng và liên kết vận hành Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp dành cho cộng đồng các DTTS

Ngân sách nhà nước hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp dành cho đối tượng là người DTTS. Ưu tiên gần các Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp từng khu vực.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho việc thuê địa điểm, gian hàng, trưng bày, vận chuyển trang thiết bị, truyền thông cho các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp vùng DTTS&MN.

đ) Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN

Hỗ trợ xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về các hoạt động liên quan đến khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN.

Xây dựng các chuyên trang, chuyên đề về khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư trên các kênh truyền thanh, truyền hình và ấn phẩm báo chí.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức sự kiện giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN.

2.4. Cơ chế thực hiện

Hỗ trợ khởi nghiệp cần dựa trên cơ sở người lao động có kỹ thuật, kỹ năng; sinh sống ở vùng có nguồn lực lao động, nguyên liệu dồi dào, có thế mạnh về nông lâm thổ sản, thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống; có tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn phong phú; có nhu cầu khởi sự kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển và quy hoạch của địa phương.

Hỗ trợ khởi nghiệp và hỗ trợ thu hút doanh nghiệp phải thông qua các dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian thực hiện từ 5-10 năm.

Thực hiện cơ chế hỗ trợ trọn gói về tài chính, phân cấp, trao quyền cho địa phương, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án.

Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm cho người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, sinh viên DTTS chưa có việc làm, phụ nữ DTTS thông qua các hoạt động khởi nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Ưu

tiên các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào vùng có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn.

Nguồn vốn thực hiện:

- Ngân sách nhà nước; vốn vay ưu đãi NH CSXH; vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng thương mại; nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, chương trình, dự án; nguồn vốn xã hội hoá và các nguồn vốn viện trợ hợp pháp khác.

- Nội dung, định mức hỗ trợ tùy thuộc vào quy mô, sản phẩm và nhu cầu cụ thể của từng dự án; ưu tiên các mô hình tạo việc làm, phát huy thế mạnh cây, con, sản vật của từng vùng, miền cũng như các tri thức của đồng bào các dân tộc.

2.5. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS.

Sở Công thương hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng DTTS.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án, chỉ đạo, phê duyệt dự án và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo định kỳ và hàng năm.

Cộng đồng đề xuất, xây dựng dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, trực tiếp triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và báo cáo theo quy định.

2.6. Vốn và nguồn vốn:

Kinh phí dự kiến thực hiện: 4,8 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh: Thông qua báo cáo dự án của địa phương.

- Vay tín dụng ưu đãi NH CSXH: 4,8 tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

II. TIÊU DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔ HÌNH BỘ ĐỘI GẮN VỚI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

1. Mục tiêu

Xây dựng mô hình gắn kết giữa vùng căn cứ cách mạng - bộ đội, đặc biệt là trong phát triển KT-XH, bảo vệ an ninh tổ quốc thông qua các hoạt động: giáo dục, y tế, phát triển KT-XH vùng DTTS&MN.

2. Đối tượng

Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tại vùng DTTS&MN.

Bộ đội tại các xã căn cứ cách mạng.

3. Nội dung đầu tư/hỗ trợ

- Hỗ trợ các mô hình quân - dân y kết hợp.

- Hỗ trợ các mô hình quân - dân trong công tác tuần tra, kiểm soát an ninh trật tự. Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN và chủ động phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị, từng bước giúp người dân vùng DTTS&MN nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

4. Phân công thực hiện

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Vốn thực hiện từ ngân sách sự nghiệp tỉnh.

(Kèm biểu dự án 3)

DỰ ÁN 4:**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN****I. MỤC TIÊU**

Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp vùng DTTS&MN như điện sinh hoạt, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình thủy lợi nhỏ, chợ, cơ sở giáo dục và trạm y tế; chú trọng cứng hóa đường đến trung tâm xã, ấp và đường trục liên ấp; nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý địa bàn.

II. ĐỐI TƯỢNG

24 xã vùng DTTS&MN; 92 ấp DTTS&MN thuộc 24 xã vùng DTTS&MN.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ**1. Nội dung số 01: Đối với tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp vùng DTTS&MN**

- Công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh.
- Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ấp.
- Trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng.
- Trạm y tế xã đạt chuẩn.
- Công trình điểm trường, lớp học đạt chuẩn quốc gia.
- Cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ.
- Các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.
- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

Định mức đầu tư: Điều chỉnh tăng định mức đầu tư cho cấp xã, ấp gấp 2,0 lần so với mức đầu tư giai đoạn 2016-2020 để đạt được các mục tiêu cụ thể Chương trình đã xác định.

2. Nội dung số 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN.

3. Phân công thực hiện

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN.

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn chung về tổ chức thực hiện và hướng dẫn thực hiện các mục tiêu dự án còn lại; chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Sở Y tế chỉ đạo các địa phương rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

4. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện 245,187 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 243,925 tỷ đồng.

- Vốn huy động: 1,262 tỷ đồng.

5. Kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung

5.1. Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu

Kinh phí thực hiện: 236,787 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách tỉnh và vốn huy động hợp pháp khác.

5.2. Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN

Kinh phí thực hiện: 8,4 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh và vốn huy động hợp pháp khác.

(Kèm biểu dự án 4)

DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC NGƯỜI DTTS

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc, các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Nội vụ; sở, ban, ngành và địa phương liên quan.

Tổng kinh phí thực hiện: 109,282.3 tỷ đồng, nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và địa phương.

I. TIỂU DỰ ÁN 1: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CẢI CỐ HOẠT ĐỘNG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

1. Mục tiêu

- Cải thiện và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến). Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

2. Đối tượng

- Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo tại các chùa, nhà thờ, thánh đường, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào DTTS&MN.

3. Nội dung

3.1. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

3.2. Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ, thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ.

- Bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền.

- Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ.

- Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

4. Phân công thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện.

UBND nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Nguồn vốn thực hiện từ ngân sách tỉnh.

II. TIÊU DỰ ÁN 2. BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÂN LỰC CHO VÙNG DTTS&MN

1. Mục tiêu

Nâng cao kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; kỹ năng sử dụng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào DTTS. Góp phần thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS chính sách dân tộc phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Đối tượng

Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị công tác ở các sở, ban, ngành phụ trách công tác dân tộc và Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị vùng DTTS&MN. Dạy tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào DTTS.

- Người dân thuộc 24 xã khu vực I.

3. Nội dung

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4 khoản 1 mục I Điều 1 Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Mở lớp dạy tiếng nói, chữ viết dân tộc cho người dân vùng DTTS&MN.

- Mức chi thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở: Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 8,281 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn từ ngân sách tỉnh: 7,021 tỷ đồng.
- Vốn từ ngân sách huyện: 1,260 tỷ đồng.

III. TIỂU DỰ ÁN 3: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN VÙNG DTTS&MN

1. Mục tiêu

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS.

2. Đối tượng

Người lao động, đặc biệt là thanh niên trên địa bàn vùng DTTS, ưu tiên cho người nghèo ở vùng DTTS thiếu đất sản xuất mà địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ đất.

3. Nội dung hỗ trợ

Phát triển, đa dạng các hình thức dạy nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng DTTS&MN; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng phù hợp với từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; tăng cường dạy nghề lưu động, dạy nghề tại chỗ; dạy nghề theo hình thức kèm cặp, cầm tay chỉ việc, truyền nghề tại các làng nghề; dạy nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tham gia học nghề, tạo và tự tạo việc làm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp tại các vùng DTTS&MN.

- Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động nghèo ở vùng DTTS&MN thiếu đất sản xuất mà địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ đất.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đối với các trường nghề trọng điểm thuộc vùng DTTS, các trường dân tộc nội trú, ưu tiên kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn là người DTTS học nghề. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, sử dụng lao động địa phương.

- Đầu tư trường đào tạo nghề dài hạn nội trú hoặc đặt hàng đào tạo nghề trung cấp, cao đẳng, trong đó vừa đào tạo nghề vừa đào tạo văn hóa đảm bảo như:

+ Xây dựng các mô hình nghề phù hợp với điều kiện địa phương gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

+ Đảm bảo các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp.

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm.

+ Dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài sau tốt nghiệp.

4. Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc, các sở: Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 89,900 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 63 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 26,9 tỷ đồng.

IV. TIÊU DỰ ÁN 4: ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CÁC CẤP

1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

2. Đối tượng hỗ trợ

Cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

3. Nội dung hỗ trợ

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp tỉnh, huyện, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở các xã, ấp vùng DTTS về quy trình, kỹ năng tổ chức thực hiện Chương trình.

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng các xã, ấp vùng DTTS&MN để đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện Chương trình.

4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 11,501 tỷ đồng, Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 9,708 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện: 1,793 tỷ đồng.

(Kèm biểu dự án 5)

DỰ ÁN 6:

KHÔI PHỤC, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

I. MỤC TIÊU

Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống DTTS, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho đồng bào DTTS để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên cho DTTS tại chỗ.

Phát triển mô hình du lịch khám phá, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại các làng của đồng bào DTTS theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay) và mô hình du lịch bền vững, có trách nhiệm, bảo đảm cộng đồng vùng DTTS&MN được làm chủ và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch.

Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư vào điểm du lịch và các làng theo mô hình du lịch cộng đồng, ưu tiên dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ; ưu tiên tổ chức các sự kiện du lịch tỉnh, quốc gia, quốc tế trên địa bàn vùng DTTS&MN.

II. ĐỐI TƯỢNG

- Làng, ấp, xã, huyện vùng đồng bào DTTS.
- Bản sắc văn hóa, di sản văn hóa các DTTS.
- Đồng bào các DTTS, nghệ nhân dân gian tại vùng DTTS&MN.
- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.
- Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS.
- Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian tại làng, ấp vùng DTTS&MN.
- Lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS.
- Cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật các DTTS.
- Hộ gia đình người DTTS địa bàn vùng DTTS&MN.

- Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, lữ hành có sử dụng tối thiểu 70% lao động là người DTTS.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS, ưu tiên các DTTS tại chỗ.
- Hỗ trợ nghệ nhân dân gian trong việc lưu truyền, phổ biến các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.
- Hỗ trợ trực tiếp các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian tại ấp vùng DTTS&MN.
- Hỗ trợ nghiên cứu, phục dựng các lễ hội và hình thức sinh hoạt văn hóa, nhạc cụ, trang phục, kiến trúc truyền thống, vv... đậm đà bản sắc dân tộc.
- Tổ chức Ngày hội liên hoan văn nghệ, giao lưu văn hóa, thể thao các dân tộc thường niên theo huyện, tỉnh.
- Hỗ trợ xây dựng tủ sách pháp luật cộng đồng cho các xã vùng DTTS&MN.

2. Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống vùng DTTS

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm tư liệu văn hóa, di sản văn hóa truyền thống đồng bào các DTTS.
- Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân dân gian, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.
- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.
- Đầu tư phát triển điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN.
- Các nội dung hỗ trợ đặc thù nhằm phát triển cơ sở lưu trú đạt chuẩn trên địa bàn vùng DTTS&MN.
- Ưu đãi phát triển các loại hình du lịch phù hợp lợi thế vùng DTTS&MN.
- Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương cho nghiên cứu, thiết kế và tư vấn vận hành các tuyến du lịch khám phá, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng tại các làng của đồng bào DTTS theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay).
- Hỗ trợ kinh phí cho việc nghiên cứu, phục dựng và bảo tồn các lễ hội văn hóa truyền thống của cộng đồng các DTTS.

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS.
- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các ấp DTTS&MN.
- Hỗ trợ nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống ...).
- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; xúc tiến đầu tư và kết nối đầu tư phát triển du lịch vùng DTTS&MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng DTTS&MN.
- Hỗ trợ đầu tư làng văn hóa truyền thống tiêu biểu các DTTS.
- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.
- Hỗ trợ thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, chiến lược quảng cáo tiếp thị về các điểm đến và các cơ sở lưu trú tại các điểm đến trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ.
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ du lịch khu vực DTTS&MN hàng năm tại các địa điểm du lịch kết hợp các lễ hội văn hóa truyền thống DTTS.
- Tổ chức lồng ghép đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch vào các chương trình, dự án đầu tư tại địa phương.
- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị văn hóa tiêu biểu các DTTS.
- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS&MN.
- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp cùng Ban Dân tộc, các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống vùng DTTS.

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS.

UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

V. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp tỉnh, địa phương và vốn huy động hợp pháp khác.

DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG BÀ MẸ, TRẺ EM, NÂNG CAO THỂ LỰC, TÂM VÓC CỦA NGƯỜI DTTS

I. MỤC TIÊU

Chăm sóc sức khỏe nhân dân; cải thiện sức khỏe về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em vùng DTTS&MN. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS tiếp cận các dịch vụ và chăm sóc sức khỏe hiện đại.

II. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

Người dân, bà mẹ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

Trung tâm y tế, trạm y tế vùng DTTS&MN.

Cán bộ, nhân viên y tế, viên chức dân số xã thuộc vùng DTTS&MN.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng DTTS&MN.

Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị thiết yếu cho trạm y tế xã thuộc vùng DTTS&MN.

Đào tạo nhân lực y tế cho các y tế cấp xã thuộc vùng DTTS&MN.

Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

Nâng cao chất lượng dân số vùng DTTS&MN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 gồm:

- Một là, phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng DTTS&MN.

- Hai là, ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS&MN.

- Ba là, nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN.

- Bốn là, mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại vùng DTTS&MN.

- Năm là, phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng DTTS.

Chăm sóc dinh dưỡng kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, nước sạch vệ sinh môi trường, an ninh lương thực hộ gia đình và các chương trình khác có liên quan.

- Chăm sóc sinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau khi sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS.

Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em người DTTS.

I.V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

V. VỐN VÀ NGUỒN VỐN

Kinh phí thực hiện: 16,864 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và vốn huy động hợp pháp khác.

(Kèm biểu dự án 7)

DỰ ÁN 8: **THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ** **CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chuyển đổi hành vi trong đồng bào DTTS và đội ngũ cán bộ các cấp về bình đẳng giới; chăm lo đời sống vật chất; giải quyết một số vấn đề xã hội cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái như: Thiếu kiến thức, kỹ năng sống; bạo lực trên cơ sở giới (bạo lực gia đình, buôn bán người...) để bảo vệ và chăm sóc phụ nữ và trẻ em nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới vùng DTTS&MN giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

- 60% cán bộ làm công tác dân tộc và cán bộ các ban, ngành đoàn thể các cấp, người có uy tín tại địa bàn dự án được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về giới, lồng ghép giới và cập nhật kiến thức hàng năm.
- 100% phụ nữ DTTS được trang bị kiến thức, kỹ năng về giới... và tham gia các hoạt động tại địa phương.
- Đảm bảo phụ nữ người DTTS đạt trình độ đọc thông, viết thạo tiếng Việt.
- Duy trì tỷ lệ ít nhất 90% hàng năm phụ nữ vùng DTTS được tuyên truyền/truyền thông, có kỹ năng phòng ngừa, lên tiếng, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (bạo lực gia đình, buôn bán người, tảo hôn, hôn nhân cận huyết) hàng năm.
- 100% cán bộ Hội các cấp vùng DTTS được tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, kỹ năng làm việc, hỗ trợ phụ nữ và nạn nhân, kỹ năng lồng ghép.
- 100% ấp thuộc vùng DTTS&MN xây dựng ít nhất 01 mô hình can thiệp (tiết kiệm - tín dụng phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cơ chế phối hợp các ngành nhằm phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ nạn nhân; câu lạc bộ phòng chống bạo lực...).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Phụ nữ và trẻ em vùng DTTS: Trong độ tuổi sinh đẻ, bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, tệ nạn xã hội, ma túy, làm chủ hộ nghèo, khuyết tật, là nạn nhân bị mua bán và lấy chồng nước ngoài trở về.

- Cán bộ, nhân viên y tế xã.
- Cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp xã, ấp; người có uy tín, cán bộ ấp.
- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vùng DTTS.

2. Phạm vi thực hiện

Dự án được thực hiện trên địa bàn vùng DTTS.

III. NỘI DUNG

1. Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em người DTTS

Xây dựng các nhóm truyền thông trong công tác tuyên truyền vận động thay đổi định kiến về giới trong cộng đồng vùng DTTS.

Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em người DTTS.

Tổ chức Hội thi liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến về giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em.

Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em, cụ thể:

1.1. Gói 1: Hỗ trợ bà mẹ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc trước sinh có chất lượng, bao gồm:

- Phụ nữ có thai được hỗ trợ tiền đi lại khi đi khám thai.
- Hỗ trợ kinh phí làm các xét nghiệm sàng lọc (không được BHYT chi trả): Xét nghiệm protein niệu sàng lọc phát hiện sớm nguy cơ tiền sản giật, sản giật; xét nghiệm sàng lọc 3 bệnh lây truyền từ mẹ sang con, bao gồm HIV, viêm gan B và giang mai.

1.2. Gói 2: Hỗ trợ bà mẹ và 01 người nhà chăm sóc khi đến sinh con tại cơ sở y tế:

- Hỗ trợ kinh phí đi lại.
- Hỗ trợ gói vật tư chăm sóc khi sinh, bao gồm: Bím sơ sinh, băng vệ sinh cho bà mẹ, tã lót, áo sơ sinh, mũ, bao tay, bao chân em bé, khăn lau bé, túi đo lượng máu mất lúc sinh.

- Hỗ trợ tiền ăn cho bà mẹ và 01 người chăm sóc đối với 1 ca sinh nở: tối đa 03 ngày đối với sinh thường và 05 ngày đối với sinh mổ.

1.3. Gói 3: Hỗ trợ bà mẹ và sơ sinh chăm sóc tại nhà sau sinh:

- Dự án sẽ hỗ trợ kinh phí để thực hiện việc chăm sóc sau sinh tại nhà cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tối thiểu 2 lần trong thời kỳ hậu sản, trong đó có 1 lần vào tuần đầu sau sinh.
- Hỗ trợ tiền công cho nhân viên y tế thực hiện chăm sóc tại nhà sau sinh.
- Hỗ trợ lương thực và sữa dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con bú trong 6 tháng đầu sau sinh.

1.4. Gói 4: Hỗ trợ thực hiện khám sức khỏe định kỳ trẻ em dưới 24 tháng tuổi:

- Dự án sẽ hỗ trợ để thực hiện khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi, mỗi trẻ sẽ được khám 4 lần vào các thời điểm 6, 12, 18 và 24 tháng tuổi. Quy trình khám theo hướng dẫn của Sở Y tế.
- Hỗ trợ kinh phí đi lại cho cha mẹ đưa trẻ đi khám sức khỏe định kỳ.
- Hỗ trợ tiền công cho cán bộ y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em.

2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em người DTTS

Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tích dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tính dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tăng thu nhập và lồng ghép giới.

Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ người DTTS.

Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình.

Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

3. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện xã hội; hỗ trợ phụ nữ trong tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “thủ lĩnh của sự thay đổi”.

Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN.

Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng ấp, các chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng người DTTS

Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới.

Xây dựng đội ngũ báo cáo viên về lồng ghép giới.

Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho cán bộ các cấp về bình đẳng giới.

Đánh giá kết quả hoạt động bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em người DTTS.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc, các sở: Y tế; Giáo dục; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Thông tin và truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công An tỉnh; NH CSXH, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh, Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Dân tộc hướng dẫn định mức chi, nội dung thanh, quyết toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện dự án này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện dự án: 0,552 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh.

DỰ ÁN 9:
TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG VÙNG DTTS;
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TIÊU DỰ ÁN 1: BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN; PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO; TRUYỀN THÔNG PHỤC VỤ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

1.1. Mục tiêu

Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín vùng đồng bào DTTS. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến là đồng bào các DTTS trong vùng DTTS trong sự nghiệp xây dựng xây dựng, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng DTTS&MN.

1.2. Đối tượng

- Người dân cư trú ở vùng DTTS&MN.
- Cán bộ, công chức, viên chức, sinh sống, công tác tại vùng DTTS.
- Già làng, trưởng ấp, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở vùng DTTS.
- Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.

1.3. Nội dung

Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín vùng đồng bào DTTS.

Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS. Định kỳ tổ chức 2 năm/lần các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến như: Già làng, trưởng ấp, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác trong vùng DTTS.

Tổ chức 3 năm/lần các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác người có uy tín.

1.4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

1.5. Kinh phí thực hiện: 48,549 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 47,065 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện: 1,484 tỷ đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

2.1. Mục tiêu

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng ấp, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo và đồng bào DTTS.

Tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc nói riêng; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các DTTS sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định trật tự - an toàn xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng DTTS.

2.2. Đối tượng

- Người dân cư trú ở vùng DTTS.
- Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở.
- Cán bộ, công chức, viên chức, công tác tại vùng đồng bào DTTS.
- Già làng, trưởng ấp, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở các xã, ấp, có đồng bào DTTS sinh sống.

2.3. Nội dung hỗ trợ

a) Đẩy mạnh phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở; già làng, trưởng ấp, người có uy tín....
- Xây dựng mô hình điểm về phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động tại ở các xã, ấp vùng DTTS.
- Phát hành tài liệu về chính sách dân tộc (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác).
- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào các DTTS; tham quan học tập mô hình, triển lãm, pa nô, áp phích, tranh cổ động, băng rôn, khẩu hiệu.....
- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; thi nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật từ tỉnh đến cơ sở.
- Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN cho các đối tượng:

+ Cấp không thu tiền một số tờ báo, tạp chí cho các đối tượng là Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ xã vùng DTTS&MN và chùa Khmer.

+ Cấp không thu tiền một số tờ báo, tạp chí cho các đối tượng là Người có uy tín trong đồng bào DTTS; trường tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông dân tộc nội trú.

b) Tăng cường nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng DTTS

Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS.

Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS.

Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS.

Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

c) Hoạt động truyền thông và thông tin đối ngoại vùng DTTS&MN

Hoạt động truyền thông vùng DTTS bao gồm:

- Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền về công tác dân tộc; xây dựng, tổ chức các chương trình thông tin và truyền thông về thực hiện chính sách dân tộc; phát triển, tăng cường và tổ chức phổ biến trang thông tin điện tử các nội dung dự án, tiểu dự án Chương trình đến vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền về Chương trình.

- Tăng cường nội dung thông tin đến đồng bào vùng DTTS.

Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS theo quyết định số 1191/QĐ-TT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ như:

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức thông tin đối ngoại cho công chức, viên chức làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở.

- Xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử về công tác dân tộc tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức triển lãm thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS.

- Xây dựng cơ quan truyền thông đa phương tiện về công tác dân tộc.

- Thông tin kết quả triển khai hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và các chương trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống về 53 DTTS Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn tỉnh thông qua các loại hình báo chí;

chuyển tải nội dung thông tin tuyên truyền bằng hình ảnh trên môi trường internet thông qua trang thông tin điện tử về công tác dân tộc.

Hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo:

- Biên soạn tài liệu phục vụ hoạt động bồi dưỡng, tập huấn về dân tộc, tôn giáo trong vùng DTTS.

- Tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo trong vùng DTTS.

- Phát hành sách phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo trong vùng DTTS.

- Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ báo chí in, xuất bản ấn phẩm tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo trong vùng DTTS.

2.4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đầy mạnh phổ biến giáo dục pháp luật và truyền truyền, vận động đồng bào DTTS.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện tăng cường nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng DTTS.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông và thông tin đối ngoại vùng DTTS.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

2.5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 21,250 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 0,753 tỷ đồng (Vốn sự nghiệp).
- Ngân sách tỉnh: 16,610 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện: 3,887 tỷ đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác.

II. TIÊU DỰ ÁN 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG DTTS&MN

1 Mục tiêu

Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng DTTS với các địa bàn khác

trong tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng DTTS; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương.

2. Đối tượng

- Đồng bào DTTS trong tỉnh.
- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cấp cơ sở.
- Các tổ chức, cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước có nhu cầu khai thác, trao đổi, công bố thông tin về lĩnh vực công tác dân tộc.

3. Nội dung hỗ trợ

3.1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận thông tin, chú trọng các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh trật tự và an toàn xã hội

- Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự.
- Xây dựng bộ dữ liệu về các DTTS, tập trung vào các lĩnh vực: Lịch sử, văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán các DTTS; các sản phẩm truyền thống của đồng bào DTTS; thông tin địa lý vùng DTTS&MN có tích hợp dữ liệu thông tin đa phương tiện.
- Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin thuận lợi trên thiết bị di động thông minh để hỗ trợ phổ biến đường lối chính sách, pháp luật; giáo dục về giới tính, quyền phụ nữ, quyền trẻ em cho đồng bào DTTS; cung cấp thông tin việc làm phù hợp với trình độ, nhu cầu của đồng bào DTTS.
- Xây dựng, phát triển các ứng dụng hỗ trợ cảnh báo thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn vùng đồng bào DTTS&MN.
- Xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào DTTS trong lĩnh vực y tế hỗ trợ, tuyên truyền, chẩn đoán, khám, chữa bệnh từ xa.
- Xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào DTTS trong lĩnh vực giao thông, vận tải; tuyên truyền về an toàn giao thông; số hóa bản đồ giao thông, hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn vùng DTTS.
- Xây dựng diễn đàn đối thoại trực tuyến về công tác dân tộc nhằm nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chống các luận điệu sai trái, xuyên tạc gây mất an ninh trật tự.
- Khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sẵn có thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin.

3.2. Nâng cấp nền tảng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương

- Thiết kế, nâng cấp hệ thống hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương. Ưu tiên thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc phù hợp với mô hình tổ chức, nhiệm vụ của cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm khả năng tích hợp, đồng bộ, truy xuất, chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến công tác dân tộc; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

- Xây dựng thư viện điện tử về công tác dân tộc có khả năng trao đổi, liên kết với các cơ quan thông tin thư viện khác trong và ngoài hệ thống để hỗ trợ nghiệp vụ, tiết kiệm thời gian xử lý thông tin; cung cấp nguồn thông tin đa dạng, phong phú cho người làm công tác dân tộc.

- Nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật của hệ thống thông tin về công tác dân tộc.

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ về phần mềm phù hợp với các định hướng phát triển của Chương trình.

3.3. Hỗ trợ smartphone cho đồng bào DTTS để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin về công tác dân tộc

- Hỗ trợ 100% giá trị điện thoại cho các đối tượng: Già làng, trưởng ấp, người có uy tín, các chức sắc tôn giáo ở các ấp vùng đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ 30% giá trị điện thoại cho các đối tượng: Bí thư chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ, Bí thư Chi đoàn thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, cán bộ khuyến nông, cán bộ Ban Công tác mặt trận, cán bộ Tư pháp, cán bộ Văn hóa thông tin ở các ấp vùng DTTS&MN.

- Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào DTTS.

- Xây dựng và tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, phổ cập các kiến thức về công nghệ thông tin nhằm nâng cao nhận thức cho các đối tượng là cán bộ, công chức vùng DTTS&MN, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền cho đồng bào DTTS.

- Tổ chức các mô hình đào tạo từ xa theo hình thức trực tuyến cho đồng bào DTTS, tập trung vào các lĩnh vực tiếng dân tộc, trang bị kiến thức khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất cho đồng bào DTTS và đào tạo nghề cho thanh niên DTTS.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng thương mại điện tử cho đồng bào DTTS; hỗ trợ đồng bào triển khai hoạt động thương mại điện tử trên sàn giao dịch điện tử.

- Tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ đồng bào DTTS tìm kiếm, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 do các cơ quan nhà nước cung cấp.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, thông tin phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin.

- Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông cho người làm công tác dân tộc.

- Đa dạng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin trong lĩnh vực công tác dân tộc.

3.4. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lao động, sản xuất.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo cho đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin.

- Ban hành các văn bản nhằm tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong các cơ quan nhà nước các cấp.

4. Phân công thực hiện

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn, các địa phương thực hiện thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã, ấp vùng DTTS&MN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự địa phương.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN.

UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 3,3 tỷ đồng, nguồn vốn thực hiện từ ngân sách tỉnh.

III. TIÊU DỤ ÁN 3: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

2. Đối tượng

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện thông qua phần mềm quản lý văn bản.

- Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

- Nâng cao năng lực giám, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các sở, ban, ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm của Chương trình tại một số địa bàn phù hợp.

Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở 03 cấp: Tỉnh, huyện, xã.

4. Phân công thực hiện

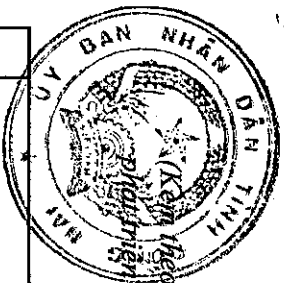
Tổ giúp việc Chương trình cấp tỉnh lựa chọn và tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm ở cấp huyện, xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình để kịp thời tham mưu ban hành, điều chỉnh và sửa đổi cơ chế, chính sách trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

5. Vốn và nguồn vốn

Kinh phí thực hiện: 3,005 tỷ đồng, nguồn vốn thực hiện từ ngân sách tỉnh và địa phương.

(Kèm biểu dự án 10)



BIỂU TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ NGUỒN VỐN CÁC DỰ ÁN CTMTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2023 ĐẾN NĂM 2025

Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: từ năm 2023 đến năm 2025)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên Dự án, Tiêu dự án	Tổng		Số hộ	Số lao động	Số dự án	Số CB CC VC	Già làng người uy tín	Số HS, SV, HV	Tổng vốn thực hiện	Mức hỗ trợ					Vay NH CSXH	Đơn vị chủ trì
		Số xã	Số ấp								Tổng số	NS TW	NS tỉnh	NS huyện	Vốn khác		
1	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			6,418	2,067					362,156	114,083		95,043	11,060	7,980	248,073	Ban Dân tộc
2	Quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết									-	-						Ban Dân tộc
3	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy thế mạnh vùng DTTS&MN			24	24					4,800	4,800		4,800				Ban Dân tộc
	Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào DTTS&MN									-							Bộ Chỉ huy quân sự
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực dân tộc	24	145	6893		242	460	207		323,214	323,214		220,486	72,300	30,428		Sở Công thương; Ban Dân tộc

Phát triển GDDT nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS				632		460	22	41,203	109,682	109,682	63,000	43,629	3,053			
Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS																Sở Giáo Dục và Đào tạo
Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN									8,281	8,281		7,021	1,260			Ban Dân tộc
Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN									89,900	89,900	63,000	26,900				Sở Lao động- Thương binh và Xã hội
Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp									11,501	11,501		9,708	1,793			Ban Dân tộc

6	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS và phát triển du lịch vùng DTTS&MN																Số Văn hóa - Thể thao và Du lịch
7	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ e vùng DTTS									16,864	16,864			16,864			Số Y tế
8	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng DTTS	66	382							552	552			552			Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh
9	Truyền thông, tuyên truyền, vận động vùng DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	66	382					206	18,990	73,972	73,972	753	68,961	4,258			Ban Dân tộc
	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số								1,500	540	540			540			Số Tư pháp
Tổng thực hiện										891,240	643,167	63,753	450,335	90,671	38,408	248,073	
Kinh phí dự phòng										44,562							5%
Tổng kinh phí dự kiến										935,802							

GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT
VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN I
(Kèm theo Dự án 1)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Số hộ	Số lao động	Diện tích đất m ²	Tổng mức hỗ trợ	Mức hỗ trợ			Vay NHCSXH	Gia đình, cộng đồng (15 tr)	Ghi chú
							Tổng	NS tỉnh	NS huyện			
	1	2	3	4	5	6 = (7+10+11)	7 = (8+9)	8	9	10	11	12
	Tổng	14	6,418	2,067	598,450	362,156	106,103	95,043	11,060	248,073	7,980	
1	Hỗ trợ đất ở		55		450	6,875	3,300	2,200	1,100	2,750	825	
2	Hỗ trợ nhà ở		477			82,395	38,160	28,620	9,540	37,080	7,155	
3	Hỗ trợ đất sản xuất		1,410	2,067	598,000	235,983	27,740	27,320	420	208,243		
	Hỗ trợ trực tiếp đất SX		28		598,000	3,220	1,050	630	420	2,170		
	Chuyển đổi nghề		1,382	2,067		232,763	26,690	26,690		206,073		
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt	14	4,476			36,903	36,903	36,903				
	Nước phân tán		2,301			6,903	6,903	6,903				
	Nước tập trung	14	2,175			30,000	30,000	30,000				

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ,
THỨC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ**
(Kèm theo Dự án 3)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên Dự án	DN/HTX/TT			Số hộ			Số lã	Diện tích (ha)	Tổng	Định mức hỗ trợ				Ghi chú
		DN	Tập thể	HTX	Tổng	Hộ DTT S	Hộ dân tộc Kinh				NS tỉnh	NS huyện	Vay NHCH XH 200 tr/hộ, lãi	NS đầu tư trung tâm giống /trung tâm	
Tổng đầu tư															
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị													BC thẩm định	
2	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN				24	24		24	0.2	4,800			4,800		

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG
TRONG VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN I

(Kèm theo Dự án 4)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên Dự án	Tổng vốn	Địa điểm		Số Ctr, dự án	Số hộ	Số km đường	Nguồn vốn thực hiện			Ghi chú
			Số xã	Số ấp				NS tỉnh	Vốn huyện	Vốn khác	
	1	2 = (8+9+10)	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng		245,187	30	124	142	52,049	186	243,925	-	1,262	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN	236,787	24	124	136	39,632	186	235,525		1,262	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới chợ	8,400	6		6	12,417		8,400			

**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC
VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN I**

(Kèm theo Dự án 5)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng	Nguồn vốn thực hiện			Ghi chú
			NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	
	1	2 = (3+4+5)	3	4	7	6
	Tổng	109,682.3	63,000.0	43,629.3	3,053.0	
1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	8,281.3		7,021.3	1,260	
2	Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	89,900.0	63,000.0	26,900.0		
3	Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và các bộ triển khai Chương trình	11,501.0		9,708	1,793	

DỰ ÁN 7
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG
BÀ MẸ, TRẺ EM, NÂNG CAO THỂ LỰC, TÂM VỐC NGƯỜI DTTS

(Kèm theo Dự án 7)

STT	Nội dung	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
A. Năm 2023				
I	Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		152,160,000	
1	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm: Thành lập 1 đội tiêm ngoại trạm cho các TYT xã/phường (gồm 5 người/1 đội) thực hiện tiêm chủng ngoại trạm định kỳ hàng tháng trong chương trình tiêm chủng thường xuyên		152,160,000	
1.1	Thuê người dẫn đường kiểm phiên dịch tiếng dân tộc	01 TYT/1 đội x 24 TYT x 195.000 đồng/1 người/đội x 12 tháng	56,160,000	(điểm a, khoản 5, điều 3- TT109/2016/TT-BTC
1.2	Chi hỗ trợ cán bộ trong những ngày tiêm chủng (ngoài chế độ công tác phí hiện hành)	50.000 đồng/1 buổi x 12 buổi x 24 TYT xã/phường x 5 người	72,000,000	Khoản 3, điều 35, TT15/2022
1.3	Thuê xe ô tô xuống xã	1.000.000 đồng/xã x 24 xã	24,000,000	theo thực tế
II	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025		1,859,912,000	
1	Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số		1,771,972,000	
1.1	Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh cho NCT tại các xã khu vực I xã DTTS&MN mỗi xã 02 ngày (180 người /xã)	Ước tính có khoảng 4.320 NCT	197,300,000	

a	Truyền thông trong Chiến dịch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và tuyên truyền hướng dẫn các biện pháp phòng bệnh và tự điều trị		29,000,000	
	Xây dựng phòng sự truyền thông (Hợp đồng làm phóng sự phát trên đài truyền hình)	15.000.000đ/phóng sự	15,000,000	theo hợp đồng
	Xe loa lưu động tại 7 huyện có các xã DTTS&MN khu vực I	2.000.000 đồng/ xe x 01 buổi x 07 huyện	14,000,000	theo thực tế
b	Tổ chức nói chuyện chuyên đề với NCT nhằm hướng dẫn và phổ biến các kiến thức về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mỗi Trạm Y tế có tổ chức 01 cuộc nói chuyện chuyên đề đảm bảo 60% NCT được tham gia)		81,300,000	Điểm d, khoản 2, Điều 4, TT 15/2022/TT-BTC
	Tài liệu	10.000 đ/cuốn x 4.300 người	43,000,000	theo thực tế
	Nước uống	5.000đ/người x 4.300 người	21,500,000	khoản 3, điều 12, Thông tư 40/2017/TT-BTC, khoản 1, Điều 36/2018/TT-BTC
	Bồi dưỡng báo cáo viên	200.000 đ/người/buổi x 24 TYT	4,800,000	Thông tư số 36/2018/TT-BTC
	Hội trường	500.000 đ/lớp x 24 lớp	12,000,000	theo thực tế
c	Chi tư vấn, hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng cho 40% NCT tại nhà (người thực hiện: CTV dân số + y tế thôn ấp + nhân viên trạm y tế), mỗi người không quá 300.000đ/tháng.	15.000đ/lượt x 2 lượt/năm (2.900 NCT)	87,000,000	điểm d, khoản 2, Điều 4, TT 15/2022/TT-BTC
1.2	Khám sức khỏe, sàng lọc cho NCT tại các xã định kỳ 1 năm/lần		1,560,672,000	
	Chi hỗ trợ NCT đến tham gia khám sức khỏe	30.000 đ/1 người/ bệnh án x 180 người/xã x 24 xã	129,600,000	điểm d, khoản 4, Điều 36, TT 15/2022/TT-BTC

	Chi hỗ trợ cán bộ kỹ thuật thực hiện dịch vụ ngoài công tác phí hiện hành (70.000 đồng/người/buổi). Gồm 08 người: (4 BS; 4 điều dưỡng)	70.000 đồng/người/buổi x 04 buổi x 08 người x 24 xã	53,760,000	điểm d, khoản 4, Điều 36, TT 15/2022/TT-BTC
	Hỗ trợ người trực tiếp tham gia chiến dịch (50.000 đồng/người/buổi). Gồm: nhân viên TTYT, TYT, CTV dân số, y tế thôn ấp, đoàn thanh niên, hội người cao tuổi... tham gia hỗ trợ trong chiến dịch	50.000 đồng/ người/1 buổi x 4 buổi x 10 người/ xã x 24 xã	48,000,000	điểm e, khoản 2, điều 4, Thông tư 15/TT-BTC
	Phiếu khám sàng lọc sức khỏe cho NCT	2.000 đ/phiếu x 4.320 phiếu	8,640,000	theo thực tế
	Giá khám sức khỏe, sàng lọc cho NCT (Khám sức khỏe ban đầu 160.000đ; siêu âm: 43.900đ; định lượng glucose: 21.500đ; X-quang phim 02 tư thế: 69.200đ=294.600đ/NCT)	294.600đ x 4320 người	1,272,672,000	theo thực tế; tại Nghị Quyết 185/2019/NQ-HĐND và Thông tư 14/2013/TT-BYT hướng dẫn khám sức khỏe
	Xe ô tô xuống xã	02 ngày/ 1 xã x 24 xã	48,000,000	theo thực tế
1.3	Giám sát chiến dịch (chở đoàn giám sát từ Biên Hoà xuống Trăm Y tế tổ chức Chiến dịch)		14,000,000	
	Công tác phí	2 người x 200.000/1ngày x 7 ngày	2,800,000	theo thực tế
	Thuê xe giám sát	1.500.000 đồng/ngày x 7 ngày	10,500,000	theo thực tế
	Hỗ trợ người giám sát chiến dịch	50.000 đồng/người/1 buổi x 02 người x 07 huyện	700,000	điểm e, khoản 2, điều 4, Thông tư 15/TT-BTC
2	Ôn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi		42,240,000	

	Chi cấp nhật thông tin về dân số, kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình từ Sổ ghi chép ban đầu về dân số của cộng tác viên: 10.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 05 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ A0 hoặc của một hộ gia đình mới	352 CTV x 12 tháng x 10.000đ	42,240,000	Số CTV theo quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 quy định số lượng nhiệm vụ, quy định, xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với CTV dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
3	Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:		45,700,000	
3.1	Tập huấn cán bộ dân số y tế huyện và xã	01 lớp	6,500,000	
	Thủ lao giảng viên	1.000.000 đồng/buổi x 2 buổi	2,000,000	Thông tư số 36/2018/TT-BTC
	Tài liệu, VPP	30.000 đồng/bộ x 50 bộ	1,500,000	theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 50 người	2,000,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	1,000,000	theo thực tế
3.2	Tập huấn lãnh đạo Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể, già làng, trưởng bản...	07 lớp tại 07 huyện (01 ngày/01 lớp)	39,200,000	
	Thủ lao giảng viên	700.000 đồng/buổi x 2 buổi x 7	9,800,000	Thông tư số 36/2018/TT-BTC
	Tài liệu, VPP	20.000 đồng/bộ x 240 bộ	4,800,000	theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 240 người	9,600,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	1,000,000	theo thực tế
	Xăng xe hoặc thuê xe	Theo thực tế	14,000,000	theo thực tế
III	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số		2,861,220,000	

1	Tập huấn về hệ thống ghi chép, báo cáo cho tuyến huyện, xã	01 lớp, 01 ngày/01 lớp tại TTKSBT, mỗi đơn vị 01 người	5,100,000	
	Thù lao giảng viên	1.000.000 đồng/buổi x 2 buổi	2,000,000	Thông tư số 36/2018/TT-BTC
	Tài liệu, VPP	30.000 đồng/bộ x 30 bộ	900,000	theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 30 người	1,200,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	1,000,000	theo thực tế
2	Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ em lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số		2,821,120,000	
2.1	Tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản tại huyện, xã, thôn bản (03 lớp, 05 ngày/01 lớp)	03 lớp tại huyện (Tân Phú+ Định Quán; Cẩm Mỹ + Long Khánh + Xuân Lộc; Trảng Bom+ Thống Nhất), 05 ngày/01 lớp cho 197 người bao gồm: TTYT huyện, TTYT xã mỗi đơn vị 02 người; mỗi thôn bản 01 người	71,720,000	
	Thù lao giảng viên	1.000.000 đồng/buổi x 2 buổi x 5 ngày/lớp x 3 lớp	30,000,000	điểm a, khoản 1, Điều 4, TT 15/2022/TT-BTC
	Tài liệu, VPP	80.000 đồng/bộ x 198 bộ	15,840,000	theo thực tế
	Chi giải khát	40.000 đồng/người x 197 người	7,880,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
	Trang trí hội trường	Theo thực tế	3,000,000	theo thực tế
	Xăng xe hoặc thuê xe	Theo thực tế	15,000,000	theo thực tế
2.2	Hỗ trợ để cải thiện sức khoẻ và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh...		2,104,000,000	
a	Cung cấp sữa cho phụ nữ có thai:	Số PNCT x 1000 đ/ viên x 280 ngày	1,960,000,000	tham khảo giá viên sắt Bidiferon

	Viên sắt (30-60 mg sắt nguyên tố)	Ước tính 7.000 PNCT	1,960,000,000	theo thực tế
b	Tổ chức các buổi hướng dẫn tình diễn thức ăn, thực hành và tư vấn dinh dưỡng	24 buổi tại 24 xã	144,000,000	Điểm c, khoản 2, Điều 37, TT 15/2022/TT-BTC
	Thu lao bảo cáo viên	500.000 đồng/buổi x 1 buổi x 24 xã	12,000,000	Điểm d, khoản 2, Điều 4, TT 15/2022/TT-BTC
	Thuê địa điểm, bàn ghế, thiết bị âm thanh, máy chiếu, TTB khác...	Theo hợp đồng thực hiện tại 24 xã	24,000,000	
	Nước uống	20.000 đồng/người x 50 người/ xã x 24 xã	24,000,000	
	Tài liệu, VPP	30.000 đồng/ người x 50 người x 24 xã	36,000,000	
	Mua thực phẩm, dụng cụ trình diễn: Mỗi buổi thực hành dinh dưỡng và tư vấn dinh dưỡng sẽ giới thiệu các loại thực phẩm theo từng thành phần như: Vitamin A; Lipid; Protein; rau, củ quả. Phân theo từng lứa tuổi có bữa ăn thực hành riêng;	1.000.000 đồng/ buổi thực hành dinh dưỡng x 24 xã	24,000,000	Hóa đơn hoặc biên nhận
	Xăng xe hoặc thuê xe	Theo thực tế	24,000,000	
2.3	Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng để bổ sung vào bữa bột/cháo.		224,000,000	
	Mua sản phẩm dinh dưỡng	Giá hợp đồng mua bán có hóa đơn, biên nhận	200,000,000	theo thực tế
	Vận chuyển sản phẩm dinh dưỡng	Hợp đồng thuê xe hoặc tính theo lít xăng nếu tự túc phương tiện	24,000,000	khoản 9, Điều 4, TT 15
2.4	Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng cho trẻ từ 0 đến 72 tháng tuổi. Các nhiệm vụ chuyên môn trạm Y tế cần thực hiện bao gồm: Tổ chức sàng lọc và chuyển tuyến; Tiếp nhận và quản lý trẻ tại trạm; Theo dõi trẻ tại hộ gia đình; theo dõi và báo cáo (Mục III; QĐ 3779/QĐ-BYT)		340,400,000	Theo hướng dẫn tại Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ Y tế

a	Tổ chức sàng lọc và chuyển tuyến: Tổ chức điều tra dinh dưỡng cho trẻ từ 60-72 tháng tuổi tại 24 xã DTTS (Theo TT109/2016)		40,400,000	(điểm a, khoản 5, điều 3- TT109/2016/TT-BTC)
	Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc	01 người/xã x 24 xã x 195.000 đồng/1 người	4,680,000	
	Xe ô tô xuống xã (điểm a, khoản 12, điều 3)	01 đợt/xã x 24 xã	24,000,000	
	Phô tô phiếu điều tra (điểm a, khoản 12, điều 3)	1.600 phiếu x 1.500đ/phiếu	2,400,000	
	Chi tiền cho điều tra viên (điểm c, khoản 5, điều 3): 04 người (tính 2 người + TTYT huyện 1 người + TTYT 1 người)	4 người/cụm x 24 cụm x 70.000đ/người/ngày	6,720,000	
	Chi nghiệm thu, kiểm tra, đánh giá, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra, thống kê (điểm a, khoản 9, điều 3)	1.000đ/phiếu x 1.600 phiếu	1,600,000	
	Văn phòng phẩm (điểm a, khoản 12, điều 3)		1,000,000	
b	Mua vật tư: trang thiết bị phục vụ cân đo, trẻ cân; thước đo chiều cao đứng/chiều dài nằm; thước đo vòng cánh tay bằng giấy; sổ theo dõi; biểu đồ tăng trưởng; VPP: mẫu phiếu theo dõi điều trị ngoại trú, bảng kiểm... các vật tư liên quan đến phát hiện và theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ		100,000,000	theo thực tế
c	Cấp chế phẩm điều trị dinh dưỡng cấp tính, chế phẩm điều trị và thuốc cho trẻ, tư vấn về điều trị SDD tại nhà, về sử dụng chế phẩm điều trị, nuôi dưỡng trẻ nhỏ: 0-72 tháng tuổi (ước tính số trẻ sạt cấp tính trên địa bàn tỉnh là 2% trẻ dưới 5 tuổi, khoảng 70 trẻ)		200,000,000	theo thực tế
2.5	Hỗ trợ công tác viên dinh dưỡng thôn, bản: Mỗi thôn hỗ trợ 01 cộng tác viên chuyên trách dinh dưỡng với mức hỗ trợ 50.000 đồng/tháng	Số CTV thôn bản (135 CTV) x 50.000 đồng/người/tháng x 12 tháng	81,000,000	
3	Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em		35,000,000	

	<i>Thẩm định từ vong mẹ, từ vong trẻ em</i>	<i>Thẩm định khi có từ vong mẹ và từ vong trẻ em xảy ra</i>	35,000,000	Mục đ, Khoản 4, Điều 37 TT 15/2022/TT-BTC
	Hợp hội đồng thẩm định	Theo thực tế	30,000,000	Khoản 1, Điều 9, TTLT số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN
	Công tác phí	Theo thực tế	3,000,000	
	Thuê người dẫn đường, người phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có)	Theo thực tế	2,000,000	Khoản 5, Điều 4, TT 15/2022/TT-BTC
IV	Giám sát; chỉ đạo tuyển	Theo thực tế	50,000,000	
V	Hội nghị, hội thảo tuyển trên	Theo thực tế	100,000,000	
VI	Chi khác		71,588,000	
	CỘNG		5,094,880,000	
B	Năm 2024=Năm 2023*110%		5,604,368,000	
C	Năm 2025=Năm 2025*110%		6,164,804,800	
Tổng dự toán giai đoạn 2023-2025			16,864,052,800	

TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN I.
KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỎ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Dự án 9)

Số báo cáo: **Biểu 9**
 Ngày báo cáo: ...
 Nơi báo cáo: ...
 Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn thực hiện	Mức hỗ trợ			Chi chú
			NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	
	1	5 = (3+4+5)	3	4	5	
	Tổng	74,511.5	753.0	69,500.5	4,258.0	
1	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	25,398.0	753.0	20,387.0	4,258.0	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3,300.0		3,300.0		
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	45,813.5		45,813.5		